TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 - QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2026/HSST
Ngày 27-3-2026

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - QUẢNG NGÃI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Huỳnh Thị Hồng Hoa

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Từ Văn Khánh.

2. Ông Huỳnh Kim An.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tỉnh, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - Quảng Ngãi.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Quảng Ngãi tham gia phiên tòa*:** Bà Bùi Thị Hồng Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 18/2026/TLST-HS ngày 13 tháng 02 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2026/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 02 năm 2026 đối với bị cáo:

Phạm Thị S, tên gọi khác: L; sinh ngày 10 tháng 8 năm 1976 tại xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

Số Căn cước công dân: 0511760211xx, cấp ngày 05/12/2021. Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính và trật tự xã hội.

Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn L, xã P, tỉnh Quảng Ngãi; Nghề nghiệp: nông; Trình độ học vấn: 05/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: nữ; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Ngọc V và bà Nguyễn Thị T (đã chết); Chồng: Nguyễn Văn T1; Con: có hai người con sinh năm 2000 và 2007; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

- *Bị hại:* Ông Nguyễn H, sinh năm 1956; có mặt.

Số Căn cước công dân: 0510560082xx, cấp ngày 26/8/2021. Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính và trật tự xã hội.

Địa chỉ: Thôn L, xã P, tỉnh Quảng Ngãi

- *Người làm chứng:*

1. Bà Đinh Thị Minh T2, sinh năm 1957; có mặt.

2. Chị Trần Thị T3, sinh năm 1993; có mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn L, xã P, tỉnh Quảng Ngãi

3. Bà Nguyễn Thị Minh T4, sinh năm 1979; có đơn xin vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn P, xã N, tỉnh Quảng Ngãi.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ 45 phút ngày 11/3/2025, ông Nguyễn H đi nhậu về đến nhà thì bà Đinh Thị Minh T2 – vợ ông H nói lớn tiếng "*ông ăn đi uống rượu không lo cắt cỏ gì cho bò hết, bỏ bò đói thì sao*" nên hai vợ chồng đứng trong hiên nhà cãi nhau. Trong lúc cãi nhau với vợ, ông H nhìn thấy bị cáo Phạm Thị S đi băng vào khu đất vườn nhà của mình nên ông H đứng trong hiên nhà chửi bị cáo Phạm Thị S "*con quỹ kia sao mày cứ đi đâu qua đây hoài*" thì bị cáo Phạm Thị S nói "*đất đó tao đi đâu đi*". Cả hai đứng chửi nhau được một lúc thì đánh nhau qua lại bằng tay. Bị cáo S lấy 01 đoạn cây gỗ vú sữa khô dài 103,5cm; có nhiều mắc, nhánh; màu nâu ở bờ rào tại nhà ông H để đánh ông H nhưng bà T2 can ngăn nên không trúng. Bà T2 nói với bị cáo S "*tao lạy mày, ổng xỉn rượu mày đi về đi, cãi chi với ổng, ổng có chửi cha chửi mẹ cũng không có chết đâu, mai rồi mày nói với ổng*" thì bị cáo S chọi đoạn cây gỗ vào bụi chuối trước nhà và bỏ đi ra ngoài đường bê tông. Sau đó, ông H và bị cáo S tiếp tục chửi qua lại, bị cáo S thách đố ông H "*mày có ngon thì ra đây",* ông H nói "*mày có ngon thì vô đây*", cả hai chửi qua lại một lúc thì ông H trong nhà chạy ra, bị cáo S tiếp tục lấy đoạn cây gỗ vú sữa khô dài 103,5cm cầm trên tay đánh từ trên xuống trúng vào đầu ông H; gây thương tích tại vùng đầu với tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể tại thời điểm giám định là 5%. Cùng lúc này bà Nguyễn Thị Minh T4 vào can ngăn, bị cáo S cầm đoạn cây gỗ đi về nhà, ông H đi theo bị cáo S được một đoạn thì nằm xuống nền đường bê tông bất tỉnh. Ông H được đưa đến Trung tâm y tế N rồi chuyển xuống Bệnh viện đa khoa tỉnh Q cấp cứu, sau đó ông H được gia đình đưa về nhà. Đến khuya cùng ngày ông H được gia đình chuyển đến Bệnh viện Đ để điều trị đến ngày 17/3/2025 thì xuất viện, sau đó tiếp tục đến Bệnh viện Đ1 điều trị đến ngày 18/3/2025 thì xuất viện.

Tại Bản kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 88/KLTTCT-TTPY ngày 21/4/2025 của Trung tâm pháp y tỉnh Q về tổn thương cơ thể đối với ông Nguyễn H, kết luận như sau:

- Chấn động não điều trị ổn định: 03%.

- Sẹo vùng thái dương phải kích thước (4x0,3) cm: 02%

Tổng cộng: 05%.

Các tổn thương phù hợp vật tày gây thương tích.

Cơ chế hình thành các tổn thương do vật tày tác động trực tiếp.

Chiều hướng tác động không xác định được.

Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần, xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của ông Nguyễn H tại thời điểm giám định là 05%.

Kết luận khác: Gãy đầu dưới xương trụ trái đã cal xương tại thời điểm vào viện là gãy cũ nên không xếp tỷ lệ.

Bị cáo S bị ông H dùng tay đánh dẫn đến bị sưng nề cánh tay trái, vùng mặt – gò má trái, vùng ngực trái, kết luận giám định thương tích của bị cáo S 0%.

Tại Bản kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 124/KLTTCT-TTPY ngày 04/6/2025 của Trung tâm pháp y tỉnh Q về tổn thương cơ thể đối với bị cáo S, kết luận như sau:

- Chấn thương không để lại dấu vết sẹo.
- Chấn thương ghi trong hồ sơ giám định phù hợp với vật tày tác động.

- Cơ chế hình thành các chấn thương ghi trong hồ sơ giám định do vật tày tác động trực tiếp.

Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần, xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Phạm Thị S tại thời điểm giám định là 0,00%.

Hành vi của ông Nguyễn H đã bị Công an xã P, tỉnh Quảng Ngãi ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 22/QĐ-XPHC ngày 16/11/2025 mức phạt tiền là 5.750.000 đồng.

Tại Bản cáo trạng số 07/CT-VKS-KV5 ngày 17/12/2025, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Quảng Ngãi đã truy tố bị cáo Phạm Thị S về tội *"Cố ý gây thương tích"* theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Quảng Ngãi vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 134; điểm b, i, s khoản 1; khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Phạm Thị S từ 09 đến 12 tháng tù, cho hưởng án treo.

- Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Phạm Thị S tiếp tục bồi thường cho bị hại ông Nguyễn H số tiền là 5.290.000 đồng. Buộc bị hại ông Nguyễn H bồi thường cho bị cáo Phạm Thị S số tiền 1.198.000 đồng.

- Về xử lý vật chứng: Đề nghị tịch thu tiêu hủy một đoạn cây gỗ khô, dài 103,5cm, có nhiều mắc nhánh, màu nâu đã được niêm phong.

Bị cáo Phạm Thị S thống nhất với mức hình phạt Viện kiểm sát đề nghị và xin Hội đồng xét xử xem xét quyết định cho bị cáo mức án thấp nhất. Về bồi thường thiệt hại yêu cầu Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bị hại Nguyễn H thống nhất với mức hình phạt Viện kiểm sát đề nghị và yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét mức hình phạt theo quy định của pháp luật. Về bồi thường thiệt hại yêu cầu Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Q, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Quảng Ngãi, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Bị cáo Phạm Thị S đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Quảng Ngãi đã truy tố. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra, truy tố; phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án nên có cơ sở để xác định: Khoảng 16 giờ 45 phút ngày 11/3/2025 tại vườn nhà ông Nguyễn H ở thôn L, xã H, nay là xã P, tỉnh Quảng Ngãi bị cáo Phạm Thị S đã dùng khúc cây gỗ khô là hung khí nguy hiểm gây thương tích cho ông Nguyễn H với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 05%. Bị hại là ông Nguyễn H có đơn yêu cầu khởi tố vụ án hình sự. Hành vi của bị cáo S có đủ yếu tố cấu thành tội "*Cố ý gây thương tích*" được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Do đó, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận Phạm Thị S phạm tội "*Cố ý gây thương tích*" theo điểm a khoản 1 Điều 134 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[3] Tính chất, mức độ của hành vi: Bị cáo Phạm Thị S là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Bị cáo biết rõ việc cố ý gây thương tích cho người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Là cháu trong gia đình nhưng chỉ vì những lời nói gây xích mích, xúc phạm với nhau mà bị cáo đã dùng khúc gỗ đánh gây thương tích cho ông Nguyễn H. Hành vi cố ý gây thương tích của bị cáo không những xâm phạm đến sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ mà còn làm ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an ở địa phương. Vì vậy, cần phải xét xử bị cáo với mức án tương xứng với tính chất, hành vi phạm tội để giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo có nhân thân tốt; chưa có tiền án, tiền sự. Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo Phạm Thị S đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và có lời xin lỗi đối với bị hại; tự

nguyện bồi thường thiệt hại cho ông Nguyễn H số tiền 22.204.000 đồng; bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng và bị hại cũng có một phần lỗi nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo điểm b, i, s khoản 1; khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[5] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Phạm Thị S không có tình tiết tăng nặng.

[6] Về nhân thân: Bị cáo Phạm Thị S có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; trong thời gian tại ngoại bị cáo không có hành vi bỏ trốn hay vi phạm pháp luật. Xét thấy bị cáo có khả năng tự cải tạo và nếu không bắt đi chấp hành hình phạt tù thì không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng đến an ninh trật tự, an toàn xã hội. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tại cơ sở giam giữ mà cho bị cáo được hưởng án treo cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung tội phạm.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

[7.1] Trong giai đoạn điều tra, ông Nguyễn H yêu cầu bị cáo bồi thường với số tiền là 50.000.000 đồng; bị cáo Phạm Thị S đã bồi thường cho ông Nguyễn H số tiền là 20.000.000 đồng; nộp chi phí tại Bệnh viện Đ và Bệnh viện đa khoa tỉnh Q với số tiền là 2.204.000 đồng .

Tại phiên tòa, ông Nguyễn H yêu cầu bị cáo Phạm Thị S phải bồi thường cụ thể những khoản như sau: Chi phí điều trị và mua thuốc là: 11.537.025 đồng (có chứng từ); Chi phí thuê xe là: 4.000.000 đồng (không có chứng từ); T5 mất thu nhập là 300.000 đồng/ngày x 30 ngày = 9.000.000 đồng; T5 công người nuôi là 08 ngày x 400.000 đồng/ngày = 3.200.000 đồng; T5 bồi dưỡng sức khỏe là 08 ngày x 150.000 đồng/ngày = 1.200.000 đồng; Tiền tổn thất tinh thần là 21.062.975 đồng. Tổng số tiền yêu cầu bị cáo S phải bồi thường là 50.000.000 đồng. Ông Nguyễn H yêu cầu bị cáo Phạm Thị S phải tiếp tục bồi thường số tiền là 27.796.000 đồng.

Hội đồng xét xử nhận thấy, yêu cầu của ông Nguyễn H có căn cứ chấp nhận các khoản sau: Chi phí khám chữa bệnh và mua thuốc là 11.537.025 đồng (có chứng từ); Ông Nguyễn H trình bày tiền thuê xe từ nhà ra Bệnh viện Đ1 và ngược lại là 3.000.000 đồng và từ nhà đến Bệnh viện Đ và Bệnh viện đa khoa tỉnh Q và ngược lại là 1.000.000 đồng tuy nhiên không có chứng từ nên không được chấp nhận. Bị cáo Phạm Thị S thống nhất bồi thường với số tiền là 600.000 đồng nên được ghi nhận; Ông H làm nông nên tiền mất thu nhập là 150.000 đồng/ngày x 08 ngày = 1.200.000 đồng; Thu nhập thực tế bị mất của người chăm sóc (bán hàng rong): 08 ngày x (3.700.000 : 26)= 1.138.000 đồng; Tiền bồi dưỡng sức khỏe cho người bị thiệt hại trong thời gian khám chữa bệnh từ ngày 11/3/2025 đến ngày 16/3/2025 tại Bệnh viện Đ: 06 ngày x (4.140.000:26) = 955.000 đồng; Tiền bồi dưỡng sức khỏe cho người bị thiệt hại trong thời gian khám chữa bệnh từ ngày 17/3/2025 đến ngày 18/3/2025 tại Bệnh

viện Đ1: 2 ngày x (4.730.000:26) = 364.000 đồng; Tiền tổn thất tinh thần là 05 tháng lương cơ sở x 2.340.000 đồng = 11.700.000 đồng.

Tổng cộng là 27.494.000 đồng. Bị cáo đã bồi thường số tiền 22.204.000 đồng, do đó buộc bị cáo tiếp tục bồi thường cho bị hại số tiền là 5.290.000 đồng.

[7.2]Tại phiên tòa, bị cáo Phạm Thị S yêu cầu ông Nguyễn H và bà Đinh Thị Minh T2 phải bồi thường số tiền 60.000.000 đồng, cụ thể như sau: Tiền thuốc và chi phí điều trị là 1.198.000 đồng; T5 mua bộ quần áo là 1.500.000 đồng và tiền tổn thất tinh thần là 57.302.000 đồng

Hội đồng xét xử nhận thấy, bị cáo Phạm Thị S yêu cầu bà Đinh Thị Minh T2 cùng có trách nhiệm bồi thường với ông Nguyễn H là không có căn cứ. Đối với yêu cầu bồi thường tiền mua bộ quần là 1.500.000 đồng và tiền tổn thất tinh thần là 57.302.000 đồng là không phù hợp nên không được chấp nhận.

Tại phiên tòa, ông Nguyễn H đồng ý bồi thường cho bị cáo Phạm Thị S về khoản tiền mua thuốc là 1.198.000 đồng nên được ghi nhận. Do đó, buộc ông H có trách nhiệm bồi thường cho bị cáo Phạm Thị S số tiền 1.198.000 đồng.

[8] Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy một đoạn cây gỗ khô, dài 103,5cm, có nhiều mắc nhánh, màu nâu đã được niêm phong.

[9] Đề nghị của Kiểm sát viên về phần hình phạt, bồi thường thiệt hại và xử lý vật chứng là phù hợp nên được chấp nhận.

[10] Về án phí: Bị cáo Phạm Thị S phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Ông Nguyễn H là người cao tuổi và có đơn đề nghị miễn nộp tiền án phí nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Phạm Thị S phạm tội "*Cố ý gây thương tích*".

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 134; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Phạm Thị S 09 (*chín*) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (*một*) năm 06 (*sáu*) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Phạm Thị S cho Ủy ban nhân dân xã P, tỉnh Quảng Ngãi giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo Phạm Thị S thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 584, 585, 586, 587 và Điều 590 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 7 Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐTP ngày 06/9/2022 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật Dân sự về trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng; Nghị định số 293/2025/NĐ-CP ngày 10 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ quy định mức lương tối thiểu đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động:

2.1. Buộc bị cáo Phạm Thị S tiếp tục bồi thường cho ông Nguyễn H số tiền 5.290.000 đồng (*Năm triệu, hai trăm chín mươi nghìn đồng*).

2.2. Buộc ông Nguyễn H phải bồi thường cho bị cáo Phạm Thị S số tiền 1.198.000 đồng (*Một triệu, một trăm chín mươi tám nghìn đồng*).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành cho đến khi thi hành xong.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy một đoạn cây gỗ khô, dài 103,5cm, có nhiều mắc nhánh, màu nâu đã được niêm phong theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 05/01/2026 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Q với Phòng Thi hành án dân sự khu vực 5 - Quảng Ngãi.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 12, 14, 15 và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

4.1. Buộc bị cáo Phạm Thị S phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

4.2. Bị hại ông Nguyễn H được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào các Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

*** Nơi nhận:**

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND khu vực 5 - Quảng Ngãi;
- Cơ quan THAHS CA tỉnh Quảng Ngãi;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ CA tỉnh Quảng Ngãi;
- Cơ quan điều tra CA tỉnh Quảng Ngãi;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ngãi;
- THADS tỉnh Quảng Ngãi;
- Bị cáo, bị hại;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn.

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Thị Hồng Hoa